KINH THỦ LĂNG NGHIÊM NGHĨA SỚ CHÚ

QUYỂN 10
(Phần 1)

Phá hành ấm, có ba:

1. Tướng tận chưa tận, có hai:

1. Nói về phạm vi, có hai:

a) Tướng lợi ích của tưởng cùng tận:

Nầy A-nan! Người Thiện nam kia, tu Tam-ma-đề, tưởng ấm đã cùng tận, đây là người bình thường, mộng tưởng tiêu diệt, năm thức hằng nhất. Nếu tưởng ấm còn, thức là tưởng tượng, ngủ thì thành mộng. Nay tưởng ấm cùng tận tức là không có mộng, vì tưởng ấm là gốc của mộng.

Ngủ thức: một người tuy có ngủ thức, vì không có tưởng nên thức cũng như ngủ, ngủ cũng như thức, nên nói là hằng nhất. Giác minh hư tĩnh giống như trời trong xanh, không còn thô nặng và bóng dáng tiền trần.

Tròn sáng là thể của tâm nên gọi là Giác minh. Lìa tưởng phù động nên gọi là Hư tĩnh. Hư không dụ cho giác minh, trong xanh dụ cho lìa tưởng, thô nặng tức là phiền não, vì tưởng ấm là vẩn đục về phiền não, bóng dáng tiền trần là cảnh sở tưởng, năng tưởng đã mất thì sở tưởng không lập, cho nên nói không còn.

Quán núi sông đất đai ở thế gian như soi gương sáng, xưa nay không dính bụi, không có dấu vết, rỗng không, chiếu ứng là quán duyên. Tuy có căn thức duyên với các cảnh giới, mà không có tưởng tượng buộc niệm vào ý, cho nên như gương soi vật, không có dấu vết, chỉ có thọ rỗng, soi rỗng, ứng rỗng mà thôi. Cũng có thể như gương soi ánh sáng, tuy soi mà không có bóng. Cho nên nói thọ rỗng.

Rốt ráo không có trần tập, chỉ một tinh chân.

Liễu là rốt ráo. Võng là không.

Trần là cũ, tập là vọng tưởng.

Rốt ráo không có vọng tập từ vô thỉ, chỉ có một tánh linh thiêng

chân như.

Lại liễu là rõ biết, tức là các thức.

Võng là không hình tượng.

Trần tập là hạt giống vô thỉ.

Duy nhất tinh chân là chỉ cho một thức ấm.

Cũng như văn dưới nói hiểu rõ bên trong không có hình, tưởng tinh diệu nhỏ nhiệm hư vô, để đối với hành ấm, nên nói là tinh chân. Hiển rõ điều này, hành nhân dược tưởng ấm cùng tận, chỉ có thức ấm và hành ấm còn.

Nay hành ấm này lại hiện bày, nên nói thức ấm là tinh chân.

b) Tướng hành ấm hiện.

Nguồn gốc sinh diệt từ đây hiển bày, thấy mười hai loài chúng sinh khắp mười phương, tất cả là loại này. Tuy chưa thông nhưng mỗi sinh mạng đều do đầu mối, thấy đồng với nền tảng của sinh vật. Giống như ngựa hoang sáng láng lanh lợi, là phù trần căn rốt ráo chia phân giới hạn. Đây gọi là phạm vi hành ấm, hành ấm là nguồn gốc sinh diệt, vì nó biến chuyển tạo tác, tưởng ấm cùng tận, hành ấm hiện ra nên nói là lộ rõ.

Tất cả là loại này, tất cả nghĩa là đều, là mười hai loai sinh này đếu từ hành ấm sinh ra, vì hành ấm là thể của nghiệp, không thông với các sinh mạng: nghĩa là biết rõ mười hai thứ sinh đều từ hành ấm sinh, nhưng chưa biết hạt giống riêng chủng của chúng sinh ở trong thức ấm. Đây là hạt giống bổn thức nghiệp khổ, chúng sinh đều có tánh mạng riêng, do nhiều mối rườm rà, thấy đồng với cơ thể sinh vật, nghĩa là đồng phân cơ thể sinh vật, tức là hành ấm. Mười hai phẩm loại đều lấy hành ấm làm nền tảng.

Giống như ngựa hoang: là trần hợp với khí dương cổ động mà thành.

Sáng láng là ánh sáng lóe lên tia chớp, dụ cho sinh diệt. Lanh lợi: là hành ấm này khuấy động sinh diệt nhỏ nhiệm không ngừng, vì không có bụi nhỏ của tưởng ấm, cho nên nói là thanh (sạch), làm phù trần căn rốt ráo ở hang chốt, then cửa gọi là chốt, viền cửa gọi là hang. Đây đều là chỗ quan trọng của động chuyển. Căn trần sinh diệt đều lấy hành ấm làm chỗ then chốt biết rõ đều này, chính là hành ấm, nên nói là phạm vi.

2. Nói về tướng cùng tận:

Nếu nguyên tánh sáng rỡ trong lặng này, tánh nhập vào vốn trong làng, một trong lặng nguyên tập, như sóng mòi lặng, hóa thành nước

trong, gọi là hành ấm cùng tận. Người này có khả năng vượt qua chúng sinh trược. Quán lý do ấy, vọng tưởng u uẩn lấy đó làm gốc. Tánh nhập vào vốn trong lặng, nếu hành ấm cùng tận, tánh đổi dời lắng trong, trở về một tạng thức, gọi là nhập vào nguồn lắng.

Kinh nói: ***Biển tàng thức thường trụ. Vì quán hạnh thêm cao siêu thuần là tập khí cội nguồn sinh diệt, làm cho bất động quy về một thức ấm, giống như nước lắng trong. Vì hành ấm là nghiệp tánh biến chuyển của chúng sinh, nếu nó cùng tận thì vượt qua sự vẩn đục về chúng sinh. Hành ấm sinh diệt nhỏ nhiệm khó biết, nên nói là u uẩn.***

2. Nói về hiện cảnh, có mười:

1. Nhị vô nhân luận, có hai:

a) Nêu lên:

A-nan nên biết! Người thiện nam nầy được chánh trí Xa-ma-tha, tâm chân chánh sáng suốt, mười loại ma trời không có dịp làm hại, mới được nghiên cứu cùng tột nguồn gốc các loài chúng sinh. Trong bổn loại thì sinh vốn lộ này, quán u uẩn sáng tròn khuấy động nguồn cội kia, trong nguồn tròn đầy khởi lên chấp đắm (chín trăm năm mươi bảy) người này rơi vào luận thuyết Nhị vô nhân. Chỉ quán thêm cao siêu, tưởng niệm không khởi nên nói là tâm chân chánh sáng suốt, ái nhiễm cõi Dục bất sinh nên nói ma không có dịp làm hại. Ngay đây suy cho cùng về nguồn gốc sinh loại chỉ một hành ấm u uẩn trong suốt, cho là gốc của tất cả sinh diệt, nay đã lộ bày, ngoài ra không có nguồn gốc của chúng sinh, bèn chấp thế gian không có nhân mà khởi, vì không biết nhân thiện ác do hạt giống khác nhau trong thức ấm, tức là luận của ngoại đạo do đây mà có, đều tu hành đến đây thì trí tuệ tà bỗng sinh khởi. Gọi là kiến phát, chẳng phải xưa nay có ngoại đạo riêng.

b) Giải thích, có hai:

Chấp nhận vốn không, có hai:

* Giải thích:

Một là người này thấy vốn vô nhân. Vì sao? Vì người này đã được toàn phá về căn cơ chúng sanh, y theo tám trăm công đức của nhãn căn, thấy tám muôn kiếp tất cả chúng sinh nghiệp trôi lăn tuần hoàn, chết đây sinh kia, chỉ thấy chúng sinh luân hồi chỗ ấy. Ngoài tám muôn kiếp thì mịt mờ không thấy gì bèn nghĩ rằng: Chúng sinh mười phương trong thế gian này tám muôn kiếp đến nay không nhân mà có, đả phá về căn cơ chúng sinh thì hành ấm hiện.

Tám trăm công đức, là do định lực phát ra công đức bổn phận của nhãn căn, tốt đẹp hơn trăm lần, nương thần lực này thấy tám muôn

kiếp chúng sinh sinh đây chết kia. Quá điều này thì không biết, cũng là chỗ thế lực của hành ấm cùng tận, không biết thức ấm sinh ra hạt giống nhân, vô minh huân tập, cảm quả khác nhau. Vì không biết bèn chấp xưa nay vô nhân mà có. Như thấy chỗ chim bay xa không thể đến được bèn cho là không. Vì nhãn căn chấp lấy trần vốn chỉ có tám trăm, năng lực thần thông của thế gian không thể vượt qua. Nếu năng lực thần thông của thế gian vượt qua thì vô ngại.

* Kết thành:

Do đó, so lường tính toán thì mất đi chánh biến tri, rơi vào ngoại đạo, mê lầm tính Bồ-đề, như văn kinh có chép.

Chấp ngọn vô nhân, có hai:

* Giải thích:

Hai là người này chấp ngọn vô nhân. Vì sao? Vì người này đối với sự sống đã thấy được cội gốc, biết người sinh ra người, biết chim sinh ra chim, quạ thì mầu đen, ngỗng trời thì màu trắng, trời người thân đứng thẳng, súc sinh thân nằm ngang, mầu trắng không phải do tẩy mà thành, mầu đen không phải do nhuộm mà có, từ tám muôn kiếp không còn đổi dời nữa. Nay biết hình hài này cũng như thế. Nhưng ta vốn không thấy Bồ-đề, làm sao có việc thành Bồ-đề? Phải biết ngày nay tất cả loài vật đều vốn vô nhân.

* Hai câu đầu là nêu lên vì sao v.v... trở xuống là nêu ra lý do. Nay suốt đời trở xuống này là nói lên nghĩa ngọn vô nhân. Vì gốc chẳng có nhân nên ngọn cũng thế. Tám muôn kiếp trước không thấy Bồ-đề, tám muôn kiếp sau cũng như vậy, vì thấy gốc không, ngọn cũng không.

Biết người sinh ra người v.v... là người chỉ sinh ra người, không có nhân sinh ra chim, chim cũng chỉ sinh ra chim, không có nhân sinh ra người. Đây đều không biết mới gây ra nghiệp khác thì cảm loại sinh khác, cho nên thành chấp nầy.

Kết thành:

Do sự so tính này mà mất Chánh biến tri, rơi vào ngoại đạo, mê hoặc tánh Bồ-đề thì gọi là đệ nhất ngoại đạo lập ra luận thuyết vô nhân.

2. Bốn biến thường luận, có ba:

a) Nêu lên:

Nầy A-nan! trong Tam-ma-địa, các người thiện nam tâm chân thật trong sạch, ma không có dịp làm hại, nghiên cứu cùng tận về nguồn gốc sinh loại, quán nguồn gốc u uẩn, thanh hư thường khuấy động. Trong cái viên thường khởi sự so tính người này rơi vào luận thuyết Bốn biên

thường.

Viên thường là hành ấm sinh diệt nối nhau không dứt nên gọi là Thường, do suy tính bốn thứ trùm khắp tất cả pháp, nên gọi là Viên.

b) Giải thích, có bốn:

Thường trong hai muôn kiếp.

Một là người này nghiên cứu cùng tột tánh chất của tâm và cảnh, hai xứ không có nhân, tu tập sẽ biết được chúng sinh mười phương sinh diệt tuần hoàn trong hai muôn kiếp không hề tan mất, chấp cho là Thường hơn ở trong định, vì hai pháp tâm và cảnh là chỗ cùng tột, nhờ vậy mà quán thành. Biết chúng sinh mười phương sinh diệt tuần hoàn trong hai muôn kiếp không hề tan nát. Như nước thành băng, băng lại thành nước, tuy tuần hoàn mà thể không mất, nên gọi là Thường.

Thường trong bốn muôn kiếp:

Hai là người này nghiên cứu cùng tột bốn đại, tánh chất của bốn đại là tánh thường, tu tập sẽ biết chúng sinh mười phương có sinh diệt trong bốn muôn kiếp và thể thường còn không hề mất, bèn chấp cho là Thường. Người này đối với quán, lấy bốn đại làm sở quán, quán thành công thì biết chúng sinh sinh diệt trong bốn muôn kiếp nhưng thể thường còn. Vì chúng sinh đều lấy bốn đại làm thể, bốn đại đã thường thì chúng sinh cũng thường, cho nên nói không mất.

Thường trong tám muôn kiếp:

Ba là người này nghiên cứu cùng tận chỗ lý do gốc trong sự chấp thọ tâm ý thức của sáu căn mạt-na. Vì tánh thường hằng nên tu tập sẽ biết tất cả chúng sinh trong tám muôn kiếp tuần hoàn không hề tan mất. Xưa nay thường trụ, cùng tột tánh không mất, chấp cho là Thường. Tiếng Phạm ngạt-ly-sắt-tra-na-mạt-na, Hán dịch là ý nhiễm ô chấp thọ: Tức là thức thứ tám, tánh vốn là thường, do đó mà biết chúng sinh trong tám muôn kiếp sinh diệt không dứt không mất. Vì chúng sinh đều có tám thức, tám thức đã sinh diệt không mất thì chúng sinh cũng vậy, nên gọi là Thường.

Bất sinh diệt thường:

Bốn là người này nguồn tưởng đã cùng tận, sinh lý lại không trôi chảy vận chuyển. Tâm tưởng sinh diệt nay đã dứt hẳn. Trong các lý tự nhiên thành không sinh diệt, do tâm mà suy lường, chấp cho là Thường.

Sinh lý là hành ấm, vì chấp tưởng cùng tận, tưởng có khả năng vận động, nay đã dừng. Vận động đã không, cho nên lý bất sinh diệt tự nhiên. Đối với sinh diệt này chấp chẳng sinh diệt, cho nên chấp là

Thường.

c) Kết luận:

Do chấp thường nầy nên mất đi chánh Biến tri, rơi vào ngoại đạo, mê hoặc tánh Bồ-đề. Đây gọi là ngoại đạo thứ hai lập ra luận thuyết viên thường, Chánh Biến tri là tánh Bồ-đề. Vì đảo lộn phân biệt cho nên mất chánh, chỉ hạn cục trong hai, bốn, tám muôn kiếp, ngoài ra thì không thể biết, cho nên mất Chánh biến tri, chánh biến tri đã mất thì thành tà luận của ngoại đạo.

3. Bốn luận thuyết một phần thường, có ba:

a) Nêu lên:

Lại các người thiện nam trong Tam-ma-địa chánh tâm bền chắc, bất động thì ma không có dịp làm hại, cùng tột nguồn gốc của sinh loại. Quán sự, trong sáng, kia thường khuấy động, đối với tự tha khởi lên chấp đắm. Người này rơi vào luận thuyết bốn thứ điên đảo chấp một phần vô thường một phần thường. Hoặc chấp ta có khả năng sinh ra người, ta thì thường còn, người thì không thường, hoặc chấp người sinh ta ra. Người thường ta vô thường, đều là luận thuyết chấp một phần vô thường một phần thường.

b) Giải thích, có bốn:

Ta thường người vô thường:

Một là người này quán tâm mầu nhiệm vắng lặng cùng khắp các cõi nước mười phương. Cho là thần ngã rốt ráo. Từ đây chấp ta trùm khắp mười phương, sáng suốt bất động. Tất cả chúng sinh trong tâm ta tự sống tự chết nên tánh của tâm ta gọi là Thường, người kia sinh diệt là tánh thật vô thường. Người này tu định chưa chứng chân, trong sự quán hữu lậu, quán tâm mầu nhiệm trùm khắp các cõi nước mười phương, giả tưởng mà thấy, không biết vô minh vọng thức biến ảnh dường như chân. Chấp tâm vọng này trùm khắp các cõi mười phương cho là chân ngã sáng suốt bất động, vì định lực giữ gìn thấy các chúng sinh tự sinh tự chết (chín trăm năm mươi tám) tức là vô thường. Còn Ngã bất động tức là thường.

Kiếp hoại kiếp chẳng hoại:

Hai là người này không quán tâm mình, quán khắp mười phương hằng sa số cõi nước, thấy chỗ kiếp rốt ráo vô thường, chỗ không hoại gọi là rốt ráo thường. Người này trong định nương thần lực thấy các cõi nước mười phương, trong đó thấy cõi chưa hoại bèn chấp là Thường, thấy chỗ nào hoại chấp là tánh vô thường. Ở đây tuy quán khí nhưng cũng mang chánh báo.

Ngã như cát bụi chuyển:

Ba là người này quán riêng tâm mình, mầu nhiệm sâu kín giống như bụi cát, trôi lăn mười phương, tánh không dời đổi, có công năng làm cho thân mình ngay lúc sinh liền diệt, nhưng tánh bất hoại, gọi tánh ngã là thường, tất cả tử sinh từ ta sinh ra, gọi là tánh Vô thường.

Tâm ta như cát bụi: Vì tâm tánh nhỏ nhiệm khó thấy cho nên nói như cát bụi, chẳng phải nói là nhỏ.

Điều này chấp vào tâm tánh sâu kín cho là Ngã, ngã là tự tại, là nghĩa chủ tể. Cho nên tánh có thể trôi lăn mà không dời đổi. Lại làm cho sắc thân uẩn thô này có sinh có diệt. Vì uẩn thô này đều từ trong tâm ta sinh ra.

Cái được làm ra gọi là Vô thường, cái làm ra gọi là tánh thường.

b.4) Hành là thường, ngoài ra là vô thường:

Bốn là người này biết tưởng ấm cùng tận, thấy hành ấm lưu, hành ấm thường lưu, chấp cho là tánh thường. Sắc thọ tưởng v.v... nay đã diệt tận., gọi là vô thường, hành ấm bày rõ hiện thấy trôi lăn, cho nên chấp là thường, về tưởng v.v... trong khi quán tạm điều phục không khởi, cho nên chấp vô thường, bởi thế thân này một phần vô thường, một phần là thường.

c) Kết luận: Do suy tính một phần vô thường, một phần là thường, nên rơi vào ngoại đạo, mê hoặc tánh Bồ-đề, đây gọi là luận thuyết một phần thường của ngoại đạo thứ ba.

4. Luận thuyết tứ hữu biên, có ba.

a) Nêu lên:

Lại các người thiện nam trong Tam-ma-địa chánh tâm bền chắc, ma không có dịp làm hại, nghiên cứu cùng tột về nguồn gốc của sinh loại, quán nguồn gốc u uẩn thường khuấy động kia, ở trong phần vị phát sinh đối với phần vị chấp trước người này rơi vào luận thuyết Tứ hữu biên, chỗ tưởng ấm cùng tận có bốn phần vị, cho đây là hữu biên, vô biên.

b) Giải thích, có bốn:

b.1) Ba đời.

Một là người này tâm chấp lưu dụng của sinh nguyên nó không dừng, chấp chưa qua gọi là hữu biên, chấp tâm nối nhau gọi là vô biên. Tâm người này chấp hành ấm hiện nay trôi mãi không dứt gọi là vô biên, chưa quá thì không thấy, gọi là hữu biên. Đây là y theo lưu dụng sinh diệt không ngừng, không có bờ mé nên gọi là vô biên.

Chúng sinh:

Hai là người này quán trong tám muôn kiếp thì thấy chúng sinh, trước tám muôn kiếp thì vắng lặng không nghe thấy, chỗ không nghe thấy gọi là Vô biên, chỗ có chúng sinh gọi là Hữu biên. Tuy tám muôn kiếp thấy chúng sinh, nhưng có giới hạn, cho nên nói là hữu biên. Ngoài ra vắng lặng không thấy chúng sinh thì không có giới hạn, cho nên chấp vô biên.

Tâm tánh.

Ba là người này chấp ta biết khắp được tánh vô biên, tất cả người kia hiện trong cái biết của ta, ta không hề biết tánh biết của người kia, gọi là người kia không được tâm vô biên, chỉ có tánh hữu biên, ta có thể biết khắp tất cả chúng sinh. Vì tất cả chúng sinh hiện trong cái biết của ta, cho nên ta có được tâm vô biên.

Câu ta không hề biết trở xuống là tất cả người kia tuy có cái biết, cái biết này lại không hiện trong cái biết của ta, vì không hiện nên tức là hữu biên

Sinh diệt:

Bốn là người này nghiên cứu cùng tận về hành ấm không, vì chỗ thấy của người nầy, con đường tâm so lường tất cả chúng sinh. Trong một thân chấp có nửa sinh, nửa diệt, là nói biết tất cả những gì có trong thế giới, một nửa là hữu biên, một nửa là vô biên.

Cùng tột hành ấm không. Tưởng ấm cùng tận, hành ấm hiện ra. Nay trong sự quán nghiên cứu làm cho chấp không, vì nghiên cứu tâm cùng tột, chấp trước hành ấm, trong một thân của tất cả chúng sinh ngay lúc sinh liền diệt. Thế giới cũng vậy, chỗ sinh hữu biên, chỗ diệt vô biên. Vì sinh thì hiện thấy, diệt thì không thấy.

c) Kết luận:

Do đây mà chấp hữu biên, vô biên, rơi vào ngoại đạo, mê lầm tánh Bồ-đề, cho nên gọi là luận thuyết hữu biên của ngoại đạo thứ tư.

5. Luận thuyết bốn thứ kiểu loạn bất tử, có ba:

a) Nêu lên:

Lại các người thiện nam, trong Tam-ma-địa chánh tâm bền chắc, ma không có dịp làm hại. Nghiên cứu cùng tột nguồn gốc của các loài chúng sinh. Quán nguồn gốc của u ẩn, thường khuấy động kia. Trong tri kiến sinh ra chấp người này rơi vào luận thuyết bốn thứ điên đảo bất tử lộn xộn chấp khắp rỗng không. Người này trong tri kiến không thể chọn lựa. Nếu có người hỏi thì đều đáp lộn xộn. Nói bất tử: Theo luận Bà-sa thì: ngoại đạo chấp trời là thường trụ, nên gọi là Bất tử.

Chấp đáp không lộn xộn được sinh lên tầng trời kia.

Nếu thật không biết mà đáp sợ thành lộn xộn, cho nên có lúc hỏi, lời đáp bí mật, không nên đều nói, hoặc không nhất định đáp. Pháp Phật quở trách rằng: Đây thật làlộn xộn.

b) Giải thích, có bốn:

b.1) Tám thứ cũng:

Một là người này, quán nguồn gốc của sự biến hóa, thấy chỗ dời đổi nên gọi là Biến. Chỗ thấy nối nhau gọi là Hằng. Thấy chỗ bị thấy gọi là Sinh, không thấy chỗ thấy gọi là Diệt. Chỗ tánh nhân nối nhau không dứt gọi là thêm. Chỗ bị lìa trong cái nối nhau gọi là bớt, các chỗ sinh gọi là có, các chỗ mất gọi là không, dùng lý để quán, dùng tâm thấy riêng, nghĩa riêng gọi là quán hành.

Đối với một hành ấm sinh diệt chia làm tám nghĩa thấy riêng: là thường, biến, sinh diệt, thêm, bớt, có không.

Điều không thấy mà thấy, thấy mà không thấy. Vì chỗ diệt không thể thấy, ngoài ra như văn kinh có nói.

Có người cầu pháp, đến hỏi nghĩa ấy. Đáp rằng nay tôi vừa sinh vừa diệt, vừa có vừa không, vừa thêm vừa bớt. Bất cứ lúc nào cũng đều nói lộn xộn như thế làm cho người nghe sót mất chương cú.

Y theo nghĩa đáp câu hỏi, lược nêu sáu nghĩa.

Vì không thể xác định được đạo lý ấy. Nhưng cả hai đều đáp cho nên nói: vừa sinh vừa diệt v.v...

Làm cho nghe đối với chương cú không được nghĩa lý, cho nên nói mất chương cú.

b.2) Chỉ nói là Vô:

Hai là người nầy quán rõ tâm mình đều không có nơi chốn, vì không có chứng đắc nên có người đến hỏi, chỉ đáp một chữ, chỉ nói là vô, ngoài chữ vô, không nói gì nữa cả. Chỗ niệm niệm diệt gọi là đều không, vì tâm vừa sinh liền diệt, vô thể để đắc, hành ấm đã vậy, các pháp cũng như vậy nên nói nhân không chứng đắc.

Cho nên có người hỏi chỉ đáp là Vô.

b.3) Chỉ nói là Thị:

Ba là người này quán rõ tâm mình đều có chỗ, vì có đắc chứng nên có người đến hỏi chỉ đáp một chữ chỉ nói là Thị, ngoài chữ Thị thì không nói gì cả, chỗ niệm niệm sinh gọi là đều có, do đây mà được chứng tất cả đều có.

Có người đến hỏi chỉ đáp là Thị, nghĩa là tuy thấy tâm mình niệm niệm có sinh, ý chấp đều có.

Lại thấy diệt nên chẳng dám đáp có, cho nên chỉ đáp Thị, để ngăn

ngừa lỗi.

b.4) Đều thấy:

Bốn là người này có không đều thấy, vì cảnh phân tán nên tâm cũng loạn, có người đến hỏi liền đáp cũng có, tức là cũng không, trong cái cũng không chẳng phải là cũng có, tất cả không nả ngũ, không cho hỏi vặn ở đây có không đều chấp. Vì cảnh phân tán thì tâm cũng loạn: Nghĩa là vì không nhất định một nghĩa cho nên thành loạn.

Vì hai luận thuyết trước chỉ chứng nghiêng về có không, nay một luận thuyết này thì có không cùng lúc.

Cũng có tức là cũng không: ý suy tính trong cái cũng có tức là có đối với không, trở thành chấp có không. Trong cái cũng không chẳng phải cũng có:

Tuy trong cái có mà nói vô, hai tướng đều khác nhau, cho nên nói chẳng phải cũng có.

Không cho hỏi vặn: Nếu hỏi có tức là không, lại nói trong cái không chẳng phải cũng có.

Nếu hỏi về vô, chẳng phải là có, lại nói cũng có tức là cũng vô, vì ngăn ngừa cho nên hỏi vặn.

c) Kết luận:

Do đây chấp đắm kiểu loạn hư vô, rơi vào ngoại đạo, mê hoặc tánh Bồ-đề. Đây gọi là luận thuyết bốn tánh điên đảo bất tử nối loạn chấp khắp ngoại đạo thứ năm rỗng không của bốn luận thuyết ấy, Trường A-hàm nói:

Một là nếu Sa-môn, bà-la-môn v.v... có kiến chấp rằng: "nếu không biết thiện ác thì có quả báo hay không?"

Nếu hỏi tôi như thế thì tôi không thể đáp, có hổ thẹn có sợ hãi, tôi phải đáp rằng việc này khác, việc này không khác. Việc này chẳng khác chẳng phải không khác. Đây là cái thấy ban đầu.

Hai là dùng đời khác để hỏi có không, cũng đáp rằng:

Ba là vì sao hỏi thiện ác cũng đáp như vậy.

Thứ tư là ngu tối ám độn, nếu có người hỏi đều tùy theo lời hỏi mà đáp, chỉ nói như thế. Nếu có hỏi uẩn có mấy loại, người kia hỏi ngược lại: Ý ông cho là mấy loại? Người kia nói ý tôi cho là năm loại. Người kia nói như thế, có chỗ cho rằng việc này khác v.v...

6. Luận thuyết mười sáu Hữu tướng, có ba:

a) Nêu lên:

Lại các người thiện nam trong thiền định chánh tâm vững chắc, bất động ma không có dịp làm hại. Nghiên cứu cùng tột nguồn gốc các

loài, quán nguồn gốc u ẩn thường khuấy động kia, đối với sự vô tận sinh ra chấp đắm. Người này sau khi chết có tướng phát tâm điên đảo.

Vô tận lưu là hành ấm.

Nay, thấy hành ấm trôi lăn, lại chấp vào ngã, khi chết rồi có tướng: Vì hành ấm là sở hữu của ngã. Hành ấm đã chuyển dời không dứt cho nên khi ta chết rồi có tướng.

b) Giải thích, có hai:

b.1) Bổn chấp:

Hoặc tự làm cho thân bền chắc nói sắc là ngã, (ta) hoặc thấy ta bao trùm khắp cõi nước nên nói là ngã, (ta) có sắc hoặc trước duyên kia tùy theo ta mà khôi phục lại, nói là sắc thuộc về ta, hoặc nói ta nối nhau trong hành ấm, nói là ngã ở sắc, đều là chấp đắm nói có tướng sau khi chết. Tuần hoàn như thế có mười sáu tướng.

Trước y theo sắc uẩn nêu ra đủ bốn câu đều nói khi chết rồi có tướng, tuần hoàn như thế là ví dụ mười ba câu về ba ấm sau.

Cố thân là làm cho thân bền chắc.

Kiên cố chấp hình sắc hiện, nay là bản thể của ta. Sắc ấm đã vậy, thì thọ, tưởng, hành cũng y theo đây mà thực hành, thành mười sáu câu.

Hỏi: Ba ấm trước cùng tận, chỉ có hành ấm và thức ấm, đâu thể còn chấp vào ba ấm trước, lại không nói thức?

Đáp: Ba ấm trước trong quán tuy phá, chỉ y theo phép quán tăng thắng không bị ấm mê hoặc, khéo léo an nhẫn không sinh lỗi, đâu thể không gọi là phá ư?

Nay quán hành ấm, y theo ba ấm trước chuyển dời nối nhau cho nên chấp vào ba ấm.

Không nói thức: Là vi hành ấm che lấp, do đây chung với trước mà không nói thức ấm

b.2) Chấp riêng:

Từ đây hoặc chấp, rốt ráo phiền não, rốt ráo Bồ-đề hai tánh trái nhau, không xúc chạm nhau. Đã mười sáu tướng đều có sau khi chết. Phiền não cũng vậy, vì là nguồn gốc của sinh tử, Bồ-đề cũng vậy vì giác là vốn sáng, chân vọng theo nhau, rốt ráo không đổi, cả hai đều có tướng.

c) Kết luận:

Do chấp đắm này mà khi chết rồi là có, rơi vào ngoài đạo, mê lầm đối với tánh Bồ-đề, ấy gọi là lập luận khi chết rồi có tướng tâm điên đảo trong năm ấm của ngoại đạo thứ sáu.

7. Luận thuyết Tám Vô Thướng, có ba:

a) Nêu lên:

Lại các người thiện nam trong Tam-ma-địa chánh tâm vững chắc, ma không được dịp làm hại, cùng tột nguồn gốc các loài chúng sinh, quán nguồn gốc u ẩn thường khuấy động kia, trước là dứt trừ đối với sinh ra chấp trước sắc, thọ, tưởng. Người này rơi vào phát tâm điên đảo vô tướng khi chết rồi. Thấy ba ấm trước đã diệt, phải biết hành ấm cũng diệt theo, tức là chấp đoạn diệt khi chết rồi, gọi chung là Vô tướng.

b) Giải thích, có hai:

b.1) Bổn chấp:

Thấy sắc kia diệt, thân không có sở nhân, quán tưởng kia diệt, tâm không bị ràng buộc, biết thọ kia diệt, không còn nối nhau.

Tánh ấm tiêu tán, dẫu có lý sinh mà không có thọ tưởng, đồng với cỏ cây, chất này hiện tiền dường như chẳng thật có. Khi chết rồi làm sao có các tướng. Do đây so sánh, không có tướng khi chết rồi, tuần hoàn như thế, có tám vô tướng. Đây là y theo bốn ấm, nhân hiện tại mất, quả vị lai diệt, đều thành tám.

b.2) Chấp riêng:

Từ đây hoặc là chấp Niết-bàn nhân quả tất cả đều không, dù có tên gọi rồi cũng trở về đoạn diệt. Ấm nhân quả đều không, Niết-bàn nhân quả cũng đều đoạn diệt. Đây là các pháp nhân quả, nhiễm tịnh, hữu vi, vô vi đều không, cho nên nói tất cả đều không

c) Kết luận:

Do sự chấp đắm sau khi chết không còn nầy mà rơi vào ngoại đạo, mê lầm tánh Bồ-đề. Đây gọi là lập luận trong năm ấm sau khi chết không có tướng tâm điên đảo của loại ngoại đạo thứ bảy.

8. Luận thuyết tám Câu phi, có ba:

a) Nêu lên:

Lại các người thiện nam trong thiền định chánh tâm vững chắc, ma không có dịp làm hại, nghiên cứu cùng tột nguồn gốc các loài chúng sinh, quán nguồn gốc u ẩn khuấy động kia trong hành ấm còn, gồm thọ tưởng ấm diệt, hai chấp có không, tướng tự thể phá, người này khi chết rồi đều chẳng khởi điên đảo. Ở đây trước đã diệt ba ấm, so sánh với hành ấm hiện còn, được bốn câu chẳng nghiêng về một bên, lại so sánh một ấm là thành so sánh với ba ấm đã diệt ở trước được bốn câu chấp nghiêng về một bên, trước sau hướng về nhau, được phi hữu phi không, thành bốn thứ đều không. Hiện tại đã như vậy, khi chết rồi cũng vậy, hiện tại vị lai cộng chung thành tám, cho nên nói khi chết rồi đều

không.

b) Giải thích, có hai:

b.1) Bổn chấp:

Trong sắc thọ tưởng thấy hữu, phi hữu, hành ấm trôi lăn, trong đó quán vô, bất vô. Xoay vần như thế, cùng tận ấm giới, cả tám đều chẳng phải tướng, tùy theo được một duyên, đều nói sau khi chết có tướng vô tướng. Ba ấm như sắc v.v... trước đó tuy có, mà nay phá hết nên nói là phi hữu, so với hành ấm nầy cũng vậy, đây là bốn phi hữu. Hành ấm trôi lăn, trong quán vô, bất vô: Nghĩa là nếu so hành ấm với trước là vô, lại niệm niệm đổi dời không dứt, đây lại là phi vô. Hành ấm đã phi vô, thì ba ấm trước cũng vậy, đây là bốn cái phi vô, xoay vần như thế, cùng tận ấm giới nghĩa là thứ lớp xếp đặt bốn ấm. Mỗi ấm đều thấy phi hữu phi vô. Cho nên nói xoay vần, suy đến khi chết rồi cho nên nói cùng tận ấm giới.

Hễ được một duyên: Tức là hễ được bất cứ một ấm nào trong bốn ấm này khi chết rồi đều phi hữu phi vô.

Nay nói hữu vô, hữu tức phi vô, vô tức là phi hữu.

b.2) Chấp riêng:

Lại vì tánh của các hành thay đổi, tâm phát ngộ suốt, hữu vô đều không, hư thật đều mất. Đây chỉ hiện thấy hành ấm biến chuyển, trong sinh có diệt, cho nên phi hữu, trong diệt có sinh cho nên phi vô. Do đó thông ngộ tất cả đều là phi hữu phi vô, đâu phải chỉ có tám. Hư thật tức là hữu vô, có chẳng nhất định có, thật chẳng hề thật, vô chẳng nhất định vô, hư chẳng hề hư, tất cả đều chẳng phải cho nên nói mất.

c) Kết luận:

Do chấp đắm này sau khi chết đều không, mé sau tối tăm không thể nói được, rơi vào ngoại đạo, mê lầm tính Bồ-đề. Đây gọi là luận thuyết trong năm uẩn khi chết rồi đều chẳng phải tâm điên đảo của ngoại đạo thứ tám.

Câu mé sau v.v... trở xuống là giải thích khi chết rồi phi nghĩa. Không thể nói: Ý nói hữu bất hữu, nói vô bất vô, hai đường hữu vô đều không nói được.

Hiện tại còn như vậy, huống chi khi chết rồi không hay không biết, mà nói hữu vô ư? Cho nên nói tối tăm.

9. Luận thuyết bảy đoạn diệt, có ba:

a) Nêu lên:

Lại, các người thiện nam trong lúc tu thiền, chánh tâm vững chắc, ma không có dịp làm hại, cùng tột căn bản các loài chúng sinh, quán

nguồn gốc của u uẩn thường hay khuấy động kia, đối với hậu hậu vô sinh ra chấp trước, người này rơi vào luận thuyết bảy đoạn diệt. Người này thấy hành ấm niệm niệm diệt, gọi là hậu hậu vô, tức là bảy chỗ sinh, sau đó điều đoạn diệt cho nên thành luận thuyết này.

b) Giải thích:

Hoặc chấp thân diệt, hoặc dục diệt tận, hoặc khổ diệt tận, hoặc cực lạc diệt, hoặc cực xả diệt. Xoay vần như thế cùng tận bảy chỗ. Hiện tiền tiêu diệt, diệt rồi không trở lại. Hoặc chấp thân diệt tức là trời, người ở cõi Dục. Vì đồng giới địa, dục tận là Sơ thiền, khổ tận là Nhị thiền, Cực lạc tức là Tam thiền, Cực xả là Tứ thiền và Vô Sắc hiện tiền tiêu diệt tức là ba ấm đã diệt tận, hành ấm cũng vậy, bảy chỗ đều hiện đoạn diệt, khi chết rồi không sinh lại nữa.

c) Kết luận:

Do chấp đắm khi chết rồi đoạn diệt nên rơi vào ngoại đạo, làm mê hoặc tánh Bồ-đề. Đó gọi là luận thuyết tâm điên đảo trong năm ấm khi chết rồi đoạn diệt của ngoại đạo thứ chín.

10. Luận thuyết năm Niết-bàn hiện tại, có ba:

a) Nêu lên:

Lại các người thiện nam trong thiền định chánh tâm vững chắc, ma không có dịp làm hại, cùng tột nguồn gốc các loài chúng sinh, quán nguồn gốc u uẩn thường khuấy động, đối với hậu hậu hữu sinh ra chấp đắm, người này rơi vào luận thuyết năm Niết-bàn. Hành ấm diệt mà sinh lại, nên gọi là hậu hậu hữu.

b) Giải thích:

Có người cho cõi Dục là chánh chuyển y, quán thấy tròn sáng, vì sinh ái kính nên có người cho là Sơ thiền. Vì tính không lo lắng nên hoặc cho là Nhị thiền, vì tâm không khổ, hoặc cho là Tam thiền, vì tùy cực duyệt cho là Tứ thiền. Vì khổ vui đều mất, không thọ tánh sinh luân hồi diệt. Vì cõi Dục là chánh chuyển y, do tu quán hạnh phát ra định Vị Chí ở cõi Dục, ở trong tâm quán thấy tướng tròn sáng, không xả bỏ cõi Dục, tức Niết-bàn là chánh chuyển y, hoặc cho tánh của Sơ thiền là không lo lắng, đã lìa dục nhiễm, không còn tâm lo lắng, vì được khinh an, hoặc cho Nhị thiền tâm không khổ, tức là Cực Hỷ. Hoặc cho Tam thiền là Cực Vui, tức là Cực lạc. Hoặc cho Tứ thiền khổ vui đều dứt, tức là xả thọ.

Mê cõi trời hữu lậu, cho là vô vi, năm chỗ an ổn là thắng tịnh y, xoay vần như thế, năm chỗ rốt ráo không biết giáo tướng, được Tứ thiền này định của cõi Dục có chút an vui, bèn chấp Niết-bàn. Chấp trời hữu

lậu là vô vi, nghĩa là do tu chánh định, bỗng phát ra thiền này, được chút khinh an, chẳng phải rốt ráo, bèn chấp lầm là Niết-bàn.

c) Kết luận:

Do chấp năm thứ Niết-bàn hiện tại này nên rơi vào ngoại đạo, mê lầm tánh Bồ-đề, đây gọi là luận thuyết tâm điên đảo, hiện năm thứ Niết-bàn trong năm uẩn của ngoại đạo thứ mười.

Kết khuyên giảng nói, có hai:

1. Kết luận về các cảnh ở trước:

Nầy A-nan! Mười thứ hiểu sai về thiền-na như thế đều là hành ấm dụng tâm giao nhau, cho nên hiện ra ngộ này. Chúng sinh mê mờ không tự suy nghĩ, gặp cảnh này trước mắt cho mê là ngộ, tự nói mình chứng Thánh thành đại vọng ngữ, đọa ngục Vô Gián, mười thứ cảnh này đều là tà kiến, do tu Thánh định bỗng phát sinh ra cho nên nói là hiểu sai.

Do ba ấm diệt, biết đến hành ấm dụng tâm khác nhau, cho nên nói giao nhau. Nếu nhập sâu thiền định, dùng tuệ chiếu quán sát cảnh giới duy tâm, không chấp đắm tự nhiên tiêu tan. Nếu cho là chứng thì rơi vào tà kiến, thành nhân địa ngục.

2. Khuyên mở rộng:

Sau khi Như-lai diệt độ, các thầy phải truyền dạy lời nói của Như-lai cho chúng sinh thời Mạt pháp, giúp cho chúng sinh hiểu rõ nghĩa này, không để cho con ma tâm tự sinh khởi phiền não, che chở gìn giữ, dứt trừ tà kiến, dạy thân tâm họ mở giác nghĩa chân, đối với đạo vô thượng không gặp đường tẻ. Chớ để cho tâm cầu được chút ít cho là đủ, làm Đại giác Vương thanh tịnh nêu bày. Phiền não tức là tai vạ.

Tưởng ấm chưa hết thì vẫn còn dẫn ma bên ngoài, nay tưởng ấm hết hành ấm hiện rõ. Nhưng đối với cảnh giới bị thấy sinh ra cái thấy khác lạ.

Chấp điều này cho là đúng vì thế nói là con ma tâm, cho nên làm cho quán sát khéo léo để dứt trừ, không mất chánh kiến, sẽ đến được Vô thượng, cho nên Phật dặn dò truyền dạy lại cho đời sau.

Nếu người tu hành không rơi vào lưới tà, lạc nẻo Chánh giác, rơi vào đường tẻ tà đạo.

Phá thức ấm, có ba:

1. Tướng tận chưa tận, có hai:

a) Nói về phạm vi, có hai:

Tướng lợi ích của hành cùng tận:

Nầy A-nan! Người thiện nam kia khi tu thiền hành ấm hết, nhưng tánh các thế gian u uẩn khuấy động đồng phần sinh cơ, bỗng nhiên đọa

lạc, chìm vào lưới nhỏ nhiệm, ràng buộc bổ-đặc-già-la, trả nghiệp sâu xa, cảm ứng cách bặt, ba câu trước là nêu người.

Câu các thế gian v.v... trở xuống là nói hành ấm hết. Tánh thế gian là hành ấm chính là thể tánh của thế gian.

Thế gian có ba nghĩa:

1. Có sinh diệt.
2. Tánh hữu lậu.
3. Có thể bị phá hoại.

Đã đọa vào thế gian đồng lấy sự sinh diệt của hành ấm làm tánh.

Vì ẩn mật cho nên u tối, vì lìa tưởng cho nên sáng suốt, nhiễu tức là động. Đồng phần căn cơ chúng sanh, Trước là nền tảng, nay là cơ yếu, chợt vậy mà phá, cho nên nói bỗng nhiên xé rách. Câu chìm vào nhỏ nhiệm v.v...trở xuống là giải thích lại nghĩa tận.

Sợi dây lớn trên lưới gọi là cương, chỗ kết cổ áo gọi là nữu, đều dụ cho cơ yếu. Mười hai loại chúng sinh như mành lưới, như chiếc y, hành ấm quán thông, kết yếu nhỏ nhiệm, như lưới như khuy nút. Bổ-đặc-ca-la, Hán dịch là sác thủ thú, chỉ chung mười hai loại. Vì hành ấm có công năng giữ gìn loại chúng sinh này. Cho nên nói chìm vào giềng mối nhỏ nhiệm, giữ gìn giềng mối là nghiệp nhân, Già-la là quả báo, nghiệp nhân mất thì ai dẫn quả. Quả báo dứt thì ai trả quả, nhân quả đã mất cho nên dứt bặt cảm ứng. Ngọn ngành sâu xa, cũng dụ cho hành ấm u uẩn. Đối với trời Niết-bàn sẽ ngộ tỏa sáng. Ngộ tỏa sáng như sau khi gà gáy nhìn về phương Đông đã có sắc sáng.

Niết-bàn gọi là Đệ nhất nghĩa thiên. Được Vô Sinh nhẫn gọi là Đại Minh ngộ sáng hoàn toàn. Ngộ sáng gần đến nên gọi là sẽ, sẽ là phải, là sắp.

Như khi gà gáy: Gáy lần thứ hai thì trời sắp sáng. Năm ấm còn thì như toàn ban đêm, năm ấm đều hết là trời sáng tỏ.

Hai ấm sắc thọ phá, giống như gà gáy canh đầu, trời hoàn toàn chưa thay đổi. Nay tưởng ấm hành ấm lại dứt, chỉ có thức ấm.

Ngộ tỏ: Tức là gà gáy canh cuối, trời đã có sắc sáng, nếu nói theo giai vị thì đây phải là người tiệm thứ thứ hai.

Văn kia nói: Giới cấm thành tựu, thì thế gian không bao giờ có nghiệp sinh nhau, giết nhau, cướp trộm không xảy ra ở đời, không có nợ lụy nhau, cũng đối với thế gian không còn nợ cũ chính là văn nầy nói trả nghiệp ngọn ngành sâu xa, cảm ứng dứt bặt.

Văn kia lại nói: Người thanh tịnh tu Tam-ma-địa chỉ dùng thân thịt do cha mẹ sinh ra, không cần mắt trời, tự nhiên quán thấy các thế

giới mười phương, văn này nói: Nhìn thấy phương Đông đã có ráng hồng, đây là được tự vị, dường như phát chung.

Tướng thức ấm hiện:

Sáu căn vắng lặng, không còn rong ruổi buông lung nữa, bên trong sáng lặng, nhập vào không có chỗ nhập.

Vì thuộc về định, không bị hành ấm sai sử, tuy còn sáu căn, thức không rong ruổi nên nói vắng lặng không còn rong ruổi buông lung nữa. Chỉ chuyên vào cảnh bên trong, tâm định thì bên trong chiếu, cho nên nói bên trong sáng lặng.

Lại nói trong trong: Nghĩa là vắng lặng chiếu soi sâu xa, cùng tột đến thức ấm, không còn thấy gì. Cho nên nói nhập vào chỗ không có chỗ nhập.

Đạt không còn do tuổi thọ của mười hai chủng loại ở khắp mười phương, quán nguồn gốc của sự chấp, các loại không chiêu cảm, lý do của tuổi thọ là thức ấm. Nay quán thức ấm đã là lý do hạt giống của các loài chúng sinh, không khởi phiền não, không gây nghiệp mới. Bởi vậy chấp trì không cho sinh quả, không có phần thọ sinh. Cho nên nói các loài không cảm vời. Ở các cõi mười phương đã được đồng nhau, tịnh sắc không chìm, phát hiện sâu kín. Đó gọi là phạm vi thức ấm. Đã biết thức là lý do của các loài chúng sinh, cho nên nói các cõi mười phương nương theo đây mà chánh, đều do thức biến hiện, đồng một thức thể. Đây là ba cõi do tâm, muôn pháp do thức. Trước tuy tin giáo, nay trong tâm quán thấy rõ. Ráng hồng không chìm mất là cảnh sở quán hiện. Do năng lực quán nên cảnh giới sáng sủa, vì thế nói là không chìm mất.

Phát hiện chỗ sâu kín: Giống như phát chung, chưa đến giai vị này, các căn tối tăm không thể quán xa. Cho nên nói sâu kín. Nay nhờ năng lực quán, sáu căn thanh tịnh, không do mắt trời mà thấy khắp các cõi cho nên nói phát hiện.

b) Nói về tướng cùng tận:

Nếu đối với sự cảm vời đã được đồng, tiêu mất sáu môn, hợp khai thành tựu, thấy nghe chung khắp, thanh tịnh lẫn nhau.

Hai câu đầu chỉ cho trong thức ấm, nếu ở trong đó dùng năng lực định tuệ, làm tiêu ma căn cách, không để cho khai thông hợp thành một thể, thì thấy nghe biết làm dụng cho nhau, ở đây nói không y theo căn, nương vào căn mà phát ra rõ ràng, cho nên nói thanh tịnh lẫn nhau.

Thức này đều được chứng là lần lượt chứng pháp nhẫn Vô Sinh thứ ba. Cho nên văn nói: Người thanh tịnh giữ gìn giới cấm như thế, tâm không tham dâm, đối với sáu trần không buông lung. Nhân không

buông lung mà tự quay về nguồn. Trần đã không duyên thì căn không có chỗ nương, trở lại dòng toàn nhất, sáu dụng không hiện, đã nói sáu dụng không hiện hành, chính là tiêu ma sáu môn: Đã nói trở lại dòng toàn nhất tức là hợp khai thành tựu thanh tịnh lẫn nhau, kia nói do giới cho nên khác với ở đây.

Mười phương thế giới và thân tâm như viên ngọc lưu ly trong ngoài trong suốt, gọi là thức ấm hết.

Thế giới, thân tâm đều do thức hiện, nay thức ấm hết chỉ là giác thể. Giác thể sáng mầu như viên ngọc lưu ly trong sạch không có vật gì chướng ngại được, nên gọi là trong ngoài sáng suốt. Thân tâm là bên trong, thế giới là bên ngoài, cả hai đều không có sở đắc, nên nói là trong suốt.

Văn trước nói: Các cõi nước mười phương sáng suốt thanh tịnh. Thí như lưu-ly, bên trong treo bảo nguyệt, thân tâm an vui diệu viên bình đẳng, được an ổn hoàn toàn. Tất cả mật viên mầu nhiệm của Như- lai đều hiện trong đó. Người này liền được Vô Sinh Pháp Nhẫn, biết thức ấm hết là giác tùy phần.

Bồ-tát Văn-thù cũng nói: Một chỗ thành không trở lại nữa, sáu dụng đều không thành, trần cấu liền đó tiêu, thành tròn sáng mầu nhiệm.

Người này sẽ vượt qua mạng trược, quán lý do ấy, giống như hư vô điên đảo vọng tưởng, lấy đó làm gốc. Thế của mạng tức là thức ấm, vì ba thứ Mạng, Noãn, Thức chuyển cùng lúc. Thức đã lìa mạng, noãn cũng mất theo cho nên vượt qua mạng trược.

Giống như hư vô: Đây là tướng hình bóng mới khởi của giác minh, nhận hình bóng hư vô vọng tưởng này làm thức, đó là hai tướng nghiệp chuyển.

■